

TRƯỜNG ĐẠI HỌC MỞ TP.HỒ CHÍ MINH
KHOA KINH TẾ & LUẬT

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC
KINH TẾ QUỐC TẾ
NÂNG CAO

2011

ĐỀ CƯƠNG MÔN HỌC

1. THÔNG TIN CHUNG VỀ MÔN HỌC

1.1. Tên môn học : Kinh tế quốc tế nâng cao

1.2. Mã môn học :

1.3. Trình độ : Đại học

1.4. Ngành : Kinh tế

1.5. Khoa phụ trách : Khoa Kinh Tế & Luật

1.6. Số tín chỉ : 3

1.7. Yêu cầu đối với môn học

- Điều kiện tiên quyết (học trước): Kinh tế học vi mô; Kinh tế học vĩ mô; Kinh tế quốc tế.
- Các yêu cầu khác: dành ít nhất 1/3 thời lượng hướng dẫn để tạo điều kiện cho sinh viên tham gia nghiên cứu các đề tài có tính thời sự về kinh tế quốc tế.

1.8. Yêu cầu đối với sinh viên

- Nghiên cứu tài liệu học tập qui định ở mục 4.
- Thành lập nhóm học tập từ 8 – 10 người/nhóm, trau dồi kỹ năng làm việc nhóm để nghiên cứu các đề tài tiểu luận và tổ chức thuyết trình.

2. MÔ TẢ MÔN HỌC VÀ MỤC TIÊU

2.1. Mô tả môn học

- Trình bày các vấn đề cơ bản của quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trong bối cảnh toàn cầu hóa.
- Phân tích cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.
- Nghiên cứu những tác động của môi trường kinh tế quốc tế thời đại toàn cầu hóa đến chính sách hội nhập kinh tế quốc tế của các quốc gia.

2.2. Mục tiêu của môn học

Trang bị những kiến thức cơ bản về quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế để sau khi học xong môn này sinh viên có thể:

- Hiểu rõ bản chất của quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế trong thời đại toàn cầu hóa.

- Nhận thức được cơ hội và thách thức của các quốc gia trong quá trình hội nhập kinh tế quốc tế.
- Trên cơ sở đó, biết cách đề ra đối sách (cả ở tầm vĩ mô và vi mô) giúp cho các chính thể kinh tế thích nghi tốt với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế.

3. NỘI DUNG CHI TIẾT MÔN HỌC

STT	CHƯƠNG	MỤC TIÊU	MỤC, TIÊU MỤC
1	Xu thế hội nhập kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Làm rõ tính chất phát triển phức tạp của các mối quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. 2. Hiểu được xu hướng phát triển của các quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế trong thời đại mới một cách có hệ thống. 	<ol style="list-style-type: none"> 1.1. Tính hai mặt của môi trường kinh tế quốc tế trong thời đại mới. 1.2. Dòng chảy của nguồn lực kinh tế quốc tế trong kỷ nguyên toàn cầu hóa. 1.3. Các xu hướng chủ đạo của quan hệ hợp tác kinh tế quốc tế hiện nay.
2	Lợi thế so sánh trong quan hệ kinh tế đa phương.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Hiểu rõ bản chất và ý nghĩa tác dụng của lợi thế so sánh trong quan hệ kinh tế đa phương. 2. Nắm được kỹ thuật lượng hóa lợi thế so sánh của các ngành hàng theo quan điểm hiện đại. 	<ol style="list-style-type: none"> 2.1. Yêu cầu xem xét lợi thế so sánh theo quan hệ kinh tế đa phương. 2.2. Lợi thế so sánh theo quan điểm của David Ricardo. 2.3. Lợi thế so sánh theo các quan điểm hiện đại.
3	Cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức tầm quan trọng và tác dụng của việc nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong quan hệ hội nhập kinh tế quốc tế. 2. Nắm được kỹ thuật đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia theo các quan điểm hiện đại. 	<ol style="list-style-type: none"> 3.1. Yêu cầu khách quan phải nghiên cứu lợi thế cạnh tranh quốc gia. 3.2. Nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế. 3.3. Đánh giá năng lực cạnh tranh quốc gia trong hội nhập kinh tế quốc tế.

4	Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế toàn cầu.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức đầy đủ cơ hội và thách thức của các quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế toàn cầu. 2. Nắm được hệ thống định chế hợp tác phổ biến trong hội nhập kinh tế toàn cầu và những trường hợp vận dụng chúng. 	<ol style="list-style-type: none"> 4.1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế toàn cầu. 4.2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế toàn cầu. 4.3. Các định chế hội nhập kinh tế toàn cầu.
5	Cơ hội và thách thức trong hội nhập kinh tế khu vực.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức đầy đủ cơ hội và thách thức của các quốc gia trong điều kiện hội nhập kinh tế khu vực. 2. Nắm được hệ thống định chế hợp tác phổ biến trong hội nhập kinh tế khu vực và những trường hợp vận dụng chúng. 	<ol style="list-style-type: none"> 5.1. Tính tất yếu khách quan của hội nhập kinh tế khu vực. 5.2. Cơ hội và thách thức của các quốc gia trong hội nhập kinh tế khu vực. 5.3. Các định chế hội nhập kinh tế khu vực.
6	Khủng hoảng kinh tế và chủ nghĩa bảo hộ mới.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức rõ những biến động bất ổn của môi trường kinh tế quốc tế song hành với tiến trình toàn cầu hóa. 2. Hiểu được những đối sách khả dụng để đảm bảo hội nhập kinh tế quốc tế thành công trong điều kiện môi trường kinh tế quốc tế có nhiều biến động bất ổn. 	<ol style="list-style-type: none"> 6.1. Khủng hoảng kinh tế trong thời đại mới. 6.2. Bàn về cái gọi là “<i>chủ nghĩa bảo hộ mới</i>”. 6.3. Đối sách với khủng hoảng kinh tế và chủ nghĩa bảo hộ mới.
7	Cải cách kinh tế và phát triển bền vững.	<ol style="list-style-type: none"> 1. Nhận thức rõ tầm quan trọng của vấn đề cải cách kinh tế quốc gia trong tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế. 2. Tìm hiểu những nội dung căn bản của chính sách cải cách kinh tế quốc gia và các trường hợp vận dụng chúng để đảm bảo phát triển bền vững. 	<ol style="list-style-type: none"> 7.1. Yêu cầu cải cách kinh tế trong hội nhập quốc tế. 7.2. Những vấn đề căn bản của chính sách cải cách kinh tế. 7.3. Gắn liền cải cách kinh tế với phát triển bền vững.

4. HỌC LIỆU

4.1. Tài liệu bắt buộc

- TS. Nguyễn Văn Sơn: **Bài giảng Kinh tế quốc tế nâng cao**. Tài liệu lưu hành nội bộ, 2011.

4.2. Tài liệu tham khảo

- Paul R. Krugman, Maurice Obstfeld: **Kinh tế học quốc tế – Lý thuyết và chính sách, tập I (Những vấn đề về thương mại quốc tế)** – bản dịch. NXB Chính trị quốc gia, 1996.
- John H. Jackson: **Hệ thống thương mại thế giới – Luật và chính sách về các quan hệ kinh tế quốc tế**. Dịch giả: Phạm Viêm Phương, Huỳnh Văn Thanh. NXB Thanh Niên, 2001.
- Dominick Salvatore: **International Economics, 3rd Edition**. Macmillan Publishing Company, 1990.
- Bernard Hoekman, Aaditya Mattoo, Philip English: **Development, Trade, and the WTO – A handbook**. The World Bank, 2002.
- Các Website:
 - <http://www.wto.org>
 - <http://www.unctad.org>
 - <http://www.worldbank.org>
 - <http://www.weforum.org>
 - <http://www.imf.org>
 - <http://europa.eu>
 - <http://www.un.org>
 - <http://www.chinhphu.vn>

5. TỔ CHỨC GIẢNG DẠY, HỌC TẬP

CHƯƠNG	HÌNH THỨC TỔ CHỨC DẠY MÔN HỌC			Tổng cộng
	Giảng lý thuyết	Bài tập nghiên cứu tình huống		
		Thuyết trình	Thảo luận	
1	5 tiết	1 tiết	2 tiết	8 tiết
2	5	1	2	8
3	5	1	2	8
4	5	1	3	9
5	5	1	3	9
6	5	1	3	9
7	5	1	3	9

6. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ HỌC TẬP

STT	HÌNH THỨC ĐÁNH GIÁ	TRỌNG SỐ
1	Điểm trong quá trình học (nghiên cứu thuyết trình theo nhóm)	30%
2	Thi cuối kỳ (trắc nghiệm khách quan)	70%

7. DANH SÁCH GIẢNG VIÊN, TRỢ GIẢNG

7.1. Giảng viên:

- Tiến sỹ **Nguyễn Văn Sơn**.
- Thời gian, địa điểm làm việc: chiều thứ tư hàng tuần tại văn phòng Khoa Kinh tế & Luật, Trường Đại học mở Tp.Hồ Chí Minh.
- Địa chỉ liên hệ: Khoa Kinh tế & Luật, P.203, số 97 Võ Văn Tần, Quận 3, TP.HCM.
- Email: nvson1956@yahoo.com

7.2. Trợ giảng: